

Bản án số: 65/2022/HSST
Ngày: 18/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Nguyễn Huy Hiên

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2022/HSST- QĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Trương Minh T, sinh năm 1987 tại BĐ. nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện P tỉnh BĐ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn C, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Ngọc Th, sinh năm 1966; vợ: Trần Thị Hồng S, sinh năm 1990, con: 02 người, lớn nhất 9 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 24.4.2021 bị cáo bị cơ quan Công an huyện P xử phạt hành chính về hành vi khai thác tài nguyên (đất) trái phép, số tiền 2.000.000 đồng và ngày 14.9.2021 bị cáo bị UBND xã M, huyện P tỉnh BĐ xử phạt hành chính về hành vi khai thác tài nguyên (đất) trái phép, số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh BĐ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh L – Chủ tịch Thôn T, xã M, huyện P tỉnh BĐ, có đơn yêu cầu xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Minh T sinh năm: 1989; Trú tại: B, Thôn T, xã M, huyện P tỉnh BĐ, có mặt.

2. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm: 1976; Trú tại: Thôn A, xã N, thị xã A, BD, vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Ngọc Th, sinh năm: 1966; Trú tại: Thôn B, Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh BD. có mặt.

4. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn Vi, xã M, huyện P tỉnh BD, vắng mặt.

5. Anh Cao Minh H, sinh năm: 1984; Trú tại: T 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q, vắng mặt.

6. Ông Trương Văn L; sinh năm: 1964; Trú tại: Thôn B, Thôn T, xã M, huyện P tỉnh BD, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/4/2021, Trương Minh T chưa được Nhà nước cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên, nhưng đã tự ý khai thác trái phép đất tại khu vực hồ Đại Sơn thuộc thôn Đ, Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh BD, nên bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng, đã chấp hành xong quyết định xử phạt. Tiếp đến ngày 14/9/2021, Trương Minh T cũng bị UBND xã M xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) trái phép 13m³ đất tại hồ Đại Sơn, thôn Đại Sơn, xã M, huyện P với số tiền 4.000.000 đồng. Trương Minh T cũng đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Trong khi Quyết định xử phạt hành chính nói trên chưa hết thời hiệu thì vào khoảng 22 giờ 30' ngày 15/4/2022, Trương Minh T đến khu đất tực danh Rừng Dầu của ông Trương Văn L (chú ruột T), tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện P, tỉnh BD để cải tạo đất trồng cây lâu năm do anh L thuê. Trương Minh T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-025.63 (xe ô tô tải này của chị Cao Thị Minh H chủ sở hữu, đã bán lại anh Nguyễn Thành Tr sử dụng, nhưng anh Tr đã bán lại cho chị Phạm Thị Ngọc Th - mẹ của T, nhưng chưa sang tên trước bạ) và xe máy đào hiệu KOBELCO SK120 màu vàng, gàu mức 0,45m³ (nguồn gốc xe máy đào này là của anh Nguyễn Trung T đã bán lại cho anh Trương Minh T sử dụng và giao lại cho Trương Minh T quản lý), đến khu đất của ông L có tực danh Rừng D nói trên. Tại đây, Trương Minh T tự ý mức 14m³ đất chở về nhà thì bị Tổ công tác của Công an huyện P phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định tạm giữ phương tiện là xe máy đào KOBELCO và xe ô tô tải biển số 76C-025.63 đưa về trụ sở Công an huyện Phù Mỹ.

Trong quá trình làm việc tại UBND xã M, xác định: Nguồn gốc đất mà Trương Minh T khai thác là đất được UBND xã Mỹ Hiệp giao cho ông Trương

Văn L quản lý sử dụng trồng cây lâu năm; chưa giao quyền khai thác (đất) cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Ngày 02/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định đã định giá 14 m³ đất có giá trị 378.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-025.63; xe máy đào hiệu KOBELCO SK120, gàu mức 0,45m³ gửi tại trụ sở Công an huyện P

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSBD – P1 ngày 21/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trương Minh T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Minh T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại nộp vào ngân sách nhà nước giá trị 14m³ đất là 378.000đ.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc Thanh 01 xe ô tô tải Chiến Thắng biển kiểm soát 76C-025.63. Trả lại cho anh Trương Minh T 01 xe máy đào hiệu KOBELCO SK120, gàu mức 0,45m³.

Bị cáo Trương Minh T không bào chữa, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Trung T, Nguyễn Thành Tr và Cao Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt không trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Trương Minh T chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên và đã bị các cơ quan chức năng xử phạt hành chính 02 lần về hành vi “Khai thác tài nguyên trái phép”, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nhưng ngày 15.4.2022 bị cáo Tịnh vẫn tiếp tục thực hiện hành vi khai thác đất trái phép tại khu đất có tục danh Rừng Dầu tại thôn B, xã M, huyện P, tỉnh B. Do đó hành vi của Trương Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Trương Minh T là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm về khai thác tài nguyên nên bị cáo có đầy đủ nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi khai thác tài nguyên đất trái phép. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện việc xem thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước, xâm phạm đến chính sách quản lý, khai thác tài nguyên của nhà nước, nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét thấy mục đích khai thác tài nguyên của bị cáo là chở về nhà để trồng cây, không nhằm mục đích để bán và số lượng tài nguyên bị cáo khai thác không lớn. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện đang nuôi hai con nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo khai thác tài nguyên trái phép là 14m³ đất có giá trị 378.000 đồng nên buộc bị cáo nộp số tiền trên vào ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm:

- 01 xe ô tô tải Chiến Thắng biển kiểm soát 76C-025.63, đây là xe do bà Phạm Thị Ngọc Th đang quản lý, sử dụng, bị cáo tự ý lấy sử dụng vào việc phạm tội mà bà Thanh không biết nên trả xe lại cho bà Th.

- 01 xe máy đào hiệu KOBELCO SK120, gàu mức 0,45m³, xe này do anh Trương Minh T đang quản lý, sử dụng, bị cáo tự ý lấy sử dụng vào việc phạm tội mà anh Tâm không biết nên trả xe lại cho anh T.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 36, 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Minh T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Xử phạt: Bị cáo Trương Minh T 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, xã M, huyện P, tỉnh BĐ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trương Minh T cho Ủy ban nhân dân xã M, xã M, huyện P, tỉnh BĐ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trương Minh T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 378.000đ (Ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Trả lại tài sản cho người quản lý hợp pháp, cụ thể:

- Trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc Th: 01 xe ô tô tải Chiến Thắng biển kiểm soát 76C-025.63.

- Trả lại cho anh Trương Minh T 01 xe máy đào hiệu KOBELCO SK120, gàu mức 0,45m³.

(Theo biên bản làm việc ngày 03.11.2022 tại Công an huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định)

4. Về án phí:

Án phí HSST: Bị cáo Trương Minh T phải chịu 200.000 đồng.

Án phí DSST: Bị cáo Trương Minh T phải chịu 300.000 đồng.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Duy